Name: .....
Date: .../.../ 20...
Class: S7
Tel: 034 200 9294

Grammar: .....
Writing: .....
Listening: .....
Mini Test: .....

UNIT 5: WRITING INSTRUCTION & GRAMMAR REVISION

Lưu ý: *Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.*

A. CAMBRIDGE VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**association** (n)	hiệp hội	6	**aim** (v)	hướng tới, nhắm tới
2	**offer** (v)	đề nghị	7	**standard** (n)	tiêu chuẩn
3	**current** (adj)	hiện tại, hiện nay	8	**invest** (v)	đầu tư
4	**position** (n)	chức vụ	9	**rebuild** (v)	xây lại
5	**attract** (v)	thu hút	10	**hold** (v)	tổ chức (lễ hội, cuộc thi, etc.)

***Note:** *n = noun: danh từ;* *v = verb: động từ;* *adj = adjective: tính từ*

***Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

B. HOMEWORK

I. Circle the correct answer

0. These flowers _____ grown in the garden.
A. is *B. do* *C. are*

1. I _____ start a new job next month.
A. am going to B. am C. be going to

2. She is _____ to Paris next week.
A. flew B. fly C. flying

3. Lucy _____ Jane at the cafe tomorrow.
A. meets B. is meeting C. will met

4. The train _____ at 6 p.m. tonight.
A. leaving B. leaves C. going to leave

5. Look at those clouds! It is _____ rain soon.
A. going to B. going C. being to

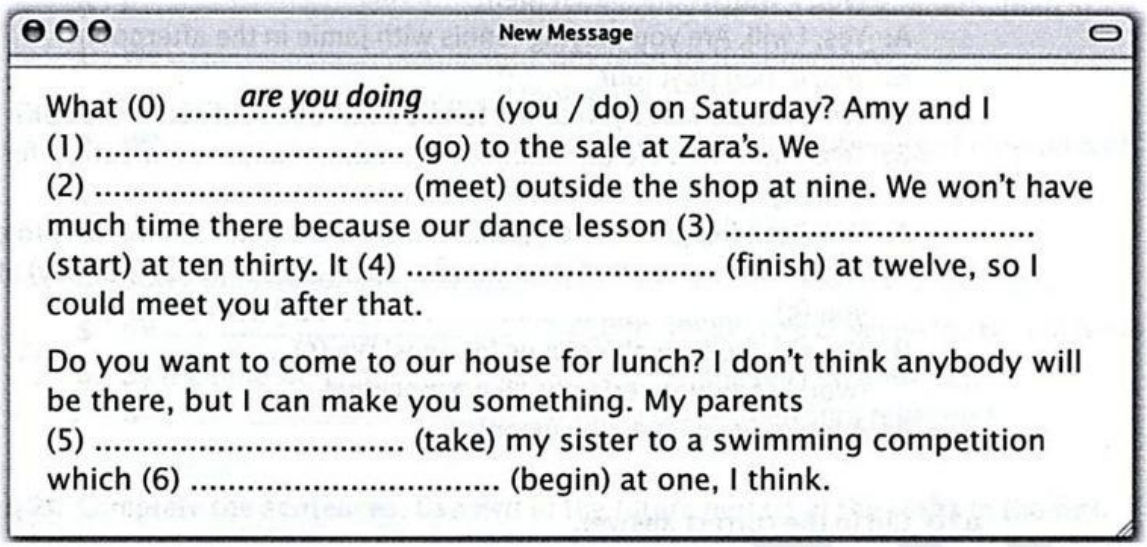
II. Complete the sentences with the correct V-ing forms of the words given

~~read~~	improve	shop	talk	dance	smoke

*0. ___**Reading**___ is my favourite hobby.*
1. He avoids _____ about *politics (chính trị)*.
2. _____ is boring! I hate shopping malls!
3. She focused on _____ her skills.
4. _____ cigarettes is very bad for your health.
5. Alice is good at _____. She's a famous dancer.

LIVEWORKSHEETS

III. Complete the e-mail. Use the PRESENT SIMPLE or PRESENT CONTINUOUS of the verbs in brackets



IV. Circle the correct answer

0. Don't worry about your driving test! I'm sure ***you'll pass / you're passing****.*

1. Tomorrow is her birthday. I think she **enjoys / will enjoy** the surprise party.
2. We **are visiting / are going visit** our grandparents in Florida this summer.
3. He's not free on Saturday; he **is volunteering / volunteer** at the new museum.
4. I think I **take / will take** a short break from work next month.
5. The train **leaves / is leaving** at 5:30 p.m., so we should leave soon.

C. WRITING & LISTENING

Topic: Write a story about 100 words. Your story must begin with this sentence:

"Jim knew it would be a long journey, but he couldn't wait to set off."

LIVEWORKSHEETS

Starlink

LIVEWORKSHEETS

Lưu ý:
1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Con hãy làm bài nghe theo link sau (từ 13p08s – 23p04s):
https://youtu.be/9Auz4VAyuGY?si=mDXnyIvP1kHSK5Z4&t=788

Part 2

You will hear part of a talk by a man called James Edwards, who is the director of a museum association called Museums for All. For questions **9–18**, complete the sentences with a word or short phrase.

Museums for All

The association Museums for All was started
(**9**) ..... years ago.

James says the task of Museums for All is to change people's
(**10**) ..... of museum visits.

James worked for a big (**11**) ..... company
before he was offered his current position.

James believes that museums should be more
(**12**) ..... in the way they attract visitors.

James says that traditional museums used to be aimed at people with a good
standard of (**13**) .....

To raise interest in museums, James would like museums to have good
(**14**) ..... with local schools.

James wants museums to be friendly, in the same way that
(**15**) ..... are.

James says that a trip to the museum can be (**16**) .....
for some people.

James feels that it is the role of the (**17**) ..... to invest
in rebuilding museums.

The Museum Festival next year will be held in
(**18**) .....

LIVEWORKSHEETS

I. Fill in the blanks with the correct forms of the verbs in brackets, using WILL or BE GOING TO

1. Oops, I forgot to phone Mum! I _____ **(do)** it after dinner.

2. Janice _____ **(phone)** her Mum after dinner. She told her she'd call at 8 o'clock.

3. A: "I'm so thirsty." – B: "I _____ **(get)** you a drink."

4. I _____ **(go)** to the supermarket after work. What do we need?

5. A: "There's no milk left." – B: "I _____ **(buy)** some when I go to the shops."

II. Circle the correct answer

1. The teacher _____ her students to study harder.

A. twitches B. urges C. swallows

2. The salad is made _____ of lettuce, tomatoes, and cucumbers.

A. in B. with C. up

3. The _____ outside made it difficult to concentrate.

A. province B. hullabaloo C. globe

4. The artist's paintings are known for their _____ colours.

A. vivid B. flightless C. filter

5. The sky is filled with _____ stars.

A. coral B. myriad C. flock

Lưu ý: *Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 1 dòng.*

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

LIVEWORKSHEETS